

**HỘ KINH DOANH
TRẦN VĂN ĐĂNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/QĐ-BHTC

Hoàng Vân, ngày 08 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành tiêu chuẩn cơ sở

HỘ KINH DOANH TRẦN VĂN ĐĂNG

Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007;

Căn cứ Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Căn cứ Thông tư 11/2021/TT-BKH&CN ngày 18/11/2021 của Bộ KH&CN Quy định chi tiết xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn;

Căn cứ nhu cầu sản xuất và kinh doanh của cơ sở,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Tiêu chuẩn cơ sở số: **TCCS 02/TVĐ/2026**

Phạm vi áp dụng: Áp dụng cho sản phẩm Kẹo Chè lam của hộ kinh doanh Trần Văn Đăng sản xuất.

Điều 2. Bộ phận sản xuất, kinh doanh và nhân viên của hộ kinh doanh Trần Văn Đăng có trách nhiệm thực hiện đúng những yêu cầu nêu ra trong tiêu chuẩn này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký./.

CHỦ CƠ SỞ
HỘ KINH DOANH

Đăng

Trần Văn Đăng

HỘ KINH DOANH TRẦN VĂN ĐĂNG

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Số: TCCS 02/TVĐ/2026

- Tên sản phẩm: **KẸO CHÈ LAM**

- Áp dụng cho sản phẩm: Kẹo Chè lam do hộ kinh doanh Trần Văn Đăng sản xuất.

**CHỦ CƠ SỞ
HỘ KINH DOANH**

Đăng

Trần Văn Đăng

LỜI NÓI ĐẦU

Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 02/TVĐ/2026 do hộ kinh doanh Trần Văn Đăng xây dựng và ban hành để áp dụng trong sản xuất, kinh doanh sản phẩm **Kẹo Chè lam** của hộ kinh doanh;

Tiêu chuẩn này có thể được xem xét, sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính thực tiễn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của cơ sở sản xuất và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

Đăng

PHẦN KHÁI QUÁT

1. Thông tin chung

Tiêu chuẩn cơ sở số: TCCS 02/TVĐ/2026

2. Phạm vi áp dụng

Áp dụng cho sản phẩm *Kẹo Chè lam* của hộ kinh doanh Trần Văn Đăng sản xuất.

3. Tài liệu tham khảo

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- Thông tư 21/2007/TT-BKHCN ngày 28/9/2007 của Bộ KH&CN về hướng dẫn về xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm;
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm;
- Thông tư 24/2019/TT-BYT ngày 30/8/2019 của Bộ trưởng Bộ y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia trong thực phẩm;
- Thông tư 17/2023/TT-BYT ngày 25/9/2023 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ Y tế ban hành;
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Ban hành “quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm”;
- Thông tư 29/2023/TT-BYT ngày 30/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn sản phẩm.

Đăng

PHẦN KỸ THUẬT

1. Yêu cầu đối với nguyên liệu đầu vào

- Gạo nếp cái hoa vàng: Hạt to đều, sáng màu; không tằm, không nấm mốc.

- Màu sản phẩm dùng bằng quả Dành dành, gác, lạc: Sáng màu, không nấm mốc, đảm bảo các tiêu chuẩn thực phẩm theo quy định.

- Mật mía: chất lượng cao, được đựng trong bao bì kín, không rách, không ngâm nước.

- Dầu chuối, vali được đảm bảo tiêu chuẩn chất phụ gia trong sản xuất thực phẩm.

2. Tiêu chí chất lượng

2.1. Chỉ tiêu cảm quan

TT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng hình khối kết dính giữa bột gạo nếp với mật mía, mạch nha cùng gia vị theo hình khối chữ nhật.
2	Màu sắc	Mang đặc trưng của màu sắc vàng tươi bởi kết hợp từ quả dành dành, quả gác và lạc rang.
3	Mùi	Thơm, đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ
4	Vị	Vị ngọt bùi, đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ

2.1 Chỉ tiêu giới hạn kim loại nặng

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Pb (chì)	mg/kg	KPH (LOD:0,006)
2	Cd (Cadmi)	mg/kg	KPH (LOD:0,0005)

2.2. Chỉ tiêu vi sinh

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	25×10^2
2	<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	KPH (LOD: 10)
3	<i>Salmonella spp.</i>	CFU/25g	KPH (eLOD50:5

Đang

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
4	Aflatoxin B1	µg/kg	KPH (LOD:0,1)
5	Aflatoxin tổng số	µg/kg	KPH (LOD:0,1)

2.3. Chỉ tiêu dinh dưỡng

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Năng lượng	kcal/100g	331,76
2	Protein	g/100g	5,77
3	Chất béo toàn phần	g/100g	8,08
4	Carbonhydrate	g/100g	58,99
5	Natri (Na)	Mg/100g	35,26

3. Phương pháp thử

- Sản phẩm được thử nghiệm các chỉ tiêu trên ở Phòng kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO 17025 và đáp ứng các yêu cầu của quy định pháp luật.

Đang

PHẦN THÔNG TIN BỔ SUNG

1. Thành phần

- Mạch nha và mật mía (60%); Ngũ vị(13%); Bột gạo nếp(17%); Lạc (05%); Gừng (05%).

2. Hạn sử dụng

- Hạn sử dụng: 03 tháng (90 ngày) kể từ ngày sản xuất.
- Ngày sản xuất và hạn sử dụng được ghi trên bao bì.

3. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản

- Hướng dẫn sử dụng: Dùng trực tiếp
- Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ dưới 30 °C, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

- Quy cách đóng gói: Sản phẩm được đóng gói trong túi linon và bên ngoài là hộp caton khối lượng tịnh 500 g và 1000g.
- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói bằng túi linon và caton đảm bảo ATTP theo quy định của BYT.

5. Quy trình sản xuất: *(Chi tiết đính kèm tại phụ lục 2).*

6. Các biện pháp phân biệt thật giả: Màu đặc trưng.

7. Nội dung ghi nhãn: Phù hợp với Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 Về nhãn hàng hóa *(Chi tiết đính kèm tại phụ lục 1).*

8. Xuất xứ và thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa

8.1. Xuất xứ

Xuất xứ: Việt Nam

8.2. Thương nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm và phân phối:

Sản xuất tại: Thửa đất số 141, tờ bản đồ 41, thôn Trung Tâm, xã Hoàng Vân, tỉnh Bắc Ninh.

Địa chỉ: Thôn Trung Tâm, xã Hoàng Vân, tỉnh Bắc Ninh.

Điện thoại: 0983.182.583

Chúng tôi cam kết sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm theo đúng tiêu chuẩn cơ sở đã công bố trên đây và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước người tiêu

Đang

dùng và cơ quan quản lý nhà nước về những vi phạm đối với những tiêu chuẩn chất lượng đã công bố./.

Hoàng Vân, ngày 08 tháng 6 năm 2026

**CHỦ CƠ SỞ
HỘ KINH DOANH**

Đang

Trần Văn Đăng

Phụ lục 1
MẪU NHÃN SẢN PHẨM

KẸO CHÈ LAM

Khối lượng tịnh: 500 g và 1000g

Thành phần: Mạch nha và mật mía (60%); Ngũ vị(13%); Bột gạo nếp(17%); Lạc (05%); Gừng (05%).

Hướng dẫn sử dụng: Dùng ăn trực tiếp

Bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ dưới 30°C, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

Lưu ý: Không sử dụng sản phẩm hết hạn hoặc có dấu hiệu mốc, hỏng.

NSX: Xem trên bao bì

HSD: 03 tháng (90 ngày) kể từ NSX

Sản xuất tại: Cơ sở hộ kinh doanh Trần Văn Đăng

Địa chỉ: Thửa đất số 141, tờ bản đồ 41, thôn Trung Tâm, xã Hoàng Vân, tỉnh Bắc Ninh.

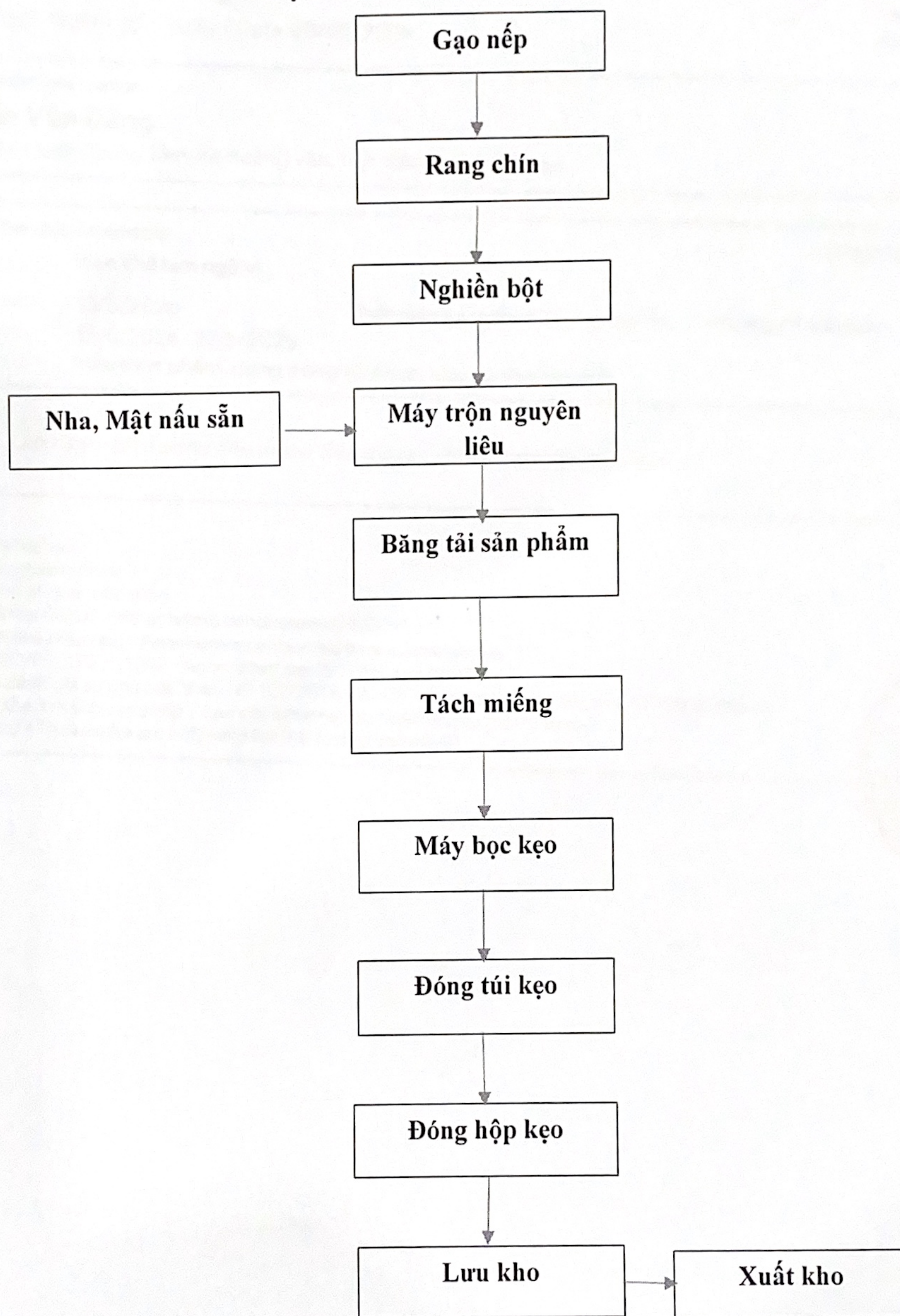
Điện thoại: 0983.182.583

Xuất xứ: Việt Nam

Số TCB: 02/TVĐ/2026

Đăng

Phụ lục 2
QUY TRÌNH SẢN XUẤT
KẸO CHÈ LAM



Hình 1: Sơ đồ sản xuất Kẹo Chè lam của cơ sở hộ kinh doanh Trần Văn Đăng.

Đăng



IRDOP

Viện nghiên cứu và phát triển Sản phẩm thiên nhiên
/ Institute for Research and Development of Organic Products
Phòng Phân tích - Kiểm nghiệm / Analysis and Testing Dept.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM / Certificate of Analysis



VILAS 997

Xuất bản / ref.: PPT26h130301-W65FPJ5 Ngày / Date: 28/05/2026

Nơi / người gửi mẫu / Customer information

Hộ kinh doanh Trần Văn Đăng

Tại nhà, TĐ số 141, TĐ số 41, thôn Trung Tâm, Xã Hoàng Văn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Thông tin mẫu thử nghiệm / Sample information:

SP26h1303-01

Tên mẫu thử / name:

Kẹo chè lam ngũ vị

Ngày tiếp nhận / receipt date:

13/5/2026

Thời gian lưu mẫu / Storage time:

Không có mẫu lưu

Ngày thử nghiệm / test date:

13/5/2026 - 27/5/2026

Mô tả / desc.:

Mẫu thực phẩm, đóng trong túi nhựa, trên túi dán tên mẫu

- Xem kết quả ở trang tiếp theo / See the results on the following page -

Ghi chú / Note:

KPH: Không phát hiện / Not detected.

LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection.

LOQ: Giới hạn định lượng / Limit of quantification.

IRDOP: Chỉ tiêu được thực hiện tại IRDOP / Parameters conducted by IRDOP.

EX: Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Parameters conducted by subcontractors.

VS: Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 / Accredited per ISO/IEC 17025:2017.

TĐC: Chỉ tiêu được công nhận đánh giá sự phù hợp theo ND 107/2016/NĐ-CP / Accredited per Decree 107/2016/ND-CP.

Thông tin mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp / Sample information provided by the customer.

Kết quả chỉ có giá trị với mẫu thử / The results are only valid for the tested sample(s).



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

/ Certificate of Analysis

Xuất bản / ref.: PPT26h130301-W65FPJ5 Ngày / Date: 28/05/2026



STT / No.	Phép thử / Tests	Kết quả / Test result	Đơn vị / Unit	Phương pháp / Protocol	Phạm vi công nhận / Accreditation scope
1.	Chì (Pb)	KPH (LOD: 0,006)	mg/kg	TCVN 8126:2009	IRDOP VS
2.	Cadmi (Cd)	KPH (LOD: 0,0005)	mg/kg	TCVN 8126:2009	IRDOP VS
3.	Aflatoxin tổng số	KPH (LOD:0,1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211	EX
4.	Aflatoxin B1	KPH (LOD:0,1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211	EX
5.	Năng lượng	331,76	kcal/100g	AOAC 971.10 AOAC 979.07	IRDOP
6.	Protein	5,77	g/100g	TCVN 8125:2015	IRDOP VS
7.	Chất béo toàn phần	8,08	g/100g	HDPP33-KN	IRDOP
8.	Carbohydrate	58,99	g/100g	Pro 5113 CD (TCVN 4594:1988; TCVN 4074:2009)	IRDOP
9.	Natri (Na)	35,26	mg/100g	HDPP392-KN	IRDOP
10.	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	2,5×10 ²	CFU/g	TCVN 4884-1:2015	IRDOP VS
11.	Escherichia coli	KPH (LOD: 10)	CFU/g	TCVN 7924-2:2008	IRDOP VS
12.	Salmonella spp.	KPH (eLOD ₅₀ : 5)	CFU/g	TCVN 10780-4:2017	IRDOP VS

TRƯỞNG PHÒNG KIỂM NGHIỆM Ngày 11-06-2026
PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG / Quality Assurance Manager

Trần Thị Lan

Số CT: 2589 số: 01

KT.VIÊN TRƯỞNG
PHÓ VIÊN TRƯỞNG / Vice President
SCT-BS
Nguyễn Bá Xuân Trường

TUQ. CHỦ TỊCH
HÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PVHCC



Ngô Xuân Trung



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Mã số hộ kinh doanh: 024069005116

Đăng ký lần đầu, ngày 08 tháng 09 năm 2024

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 26 tháng 05 năm 2026

1. Tên hộ kinh doanh:

Tên hộ kinh doanh viết bằng tiếng Việt: HỘ KINH DOANH TRẦN VĂN ĐĂNG

2. Trụ sở của hộ kinh doanh: Thôn Trung Tâm, Xã Hoàng Vân, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0983182583

Fax:

Thư điện tử:

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh bánh kẹo)	1079 (Chính)

4. Vốn kinh doanh:

Vốn kinh doanh (Bằng số): 50.000.000 đồng

Vốn kinh doanh (Bằng chữ): Năm mươi triệu đồng.

5. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh: Cá nhân

6. Thông tin về chủ hộ kinh doanh:

Họ và tên: TRẦN VĂN ĐĂNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 02/10/1969 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 024069005116

Nơi thường trú: TRUNG TÂM, Xã Hoàng Vân, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Nơi ở hiện tại: Thôn Trung Tâm, Xã Hoàng Vân, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 11-06-2026

Số CT: 2589 số: 01 SCT-BS

TUQ. CHỦ TỊCH

HÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PVHCC



TRƯỞNG PHÒNG

**TRƯỞNG PHÒNG
Lê Ngọc Tiến**



Ngô Xuân Trung

